

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1147 /QĐ- UBND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ lập Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của UBND huyện Triệu Sơn tại Tờ trình số 295/TTr-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2019; của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1408/SXD-QH ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc nhiệm vụ lập Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

1.1. Phạm vi ranh giới:

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của 04 đơn vị hành chính: Thị trấn Triệu Sơn, xã Minh Dân, xã Minh Sơn, xã Minh Châu và một phần các xã Dân Lực, Dân Quyền (phần diện tích thuộc ranh giới quy hoạch điều chỉnh mở rộng thị trấn Triệu Sơn đã được phê duyệt tại Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa), ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: giáp Quốc lộ 47; xã Dân Lực và xã Dân Quyền;
- Phía Đông: giáp xã Dân Lý;
- Phía Tây: giáp xã Thọ Tân và xã Hợp Thắng;
- Phía Nam: giáp xã Hợp Thắng, xã An Nông và xã Đông Tiến.

1.2. Quy mô:

a) Quy mô dân số:

- Tổng dân số hiện trạng khu vực lập quy hoạch khoảng: 20.544 người;
- Dự báo tổng dân số đến năm 2030 khoảng: 27.000 người.

b) Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch:

Tổng diện tích nghiên cứu lập điều chỉnh, mở rộng quy hoạch thị trấn Triệu Sơn khoảng 1.716,4 ha; trong đó:

- Diện tích dự kiến mở rộng thị trấn Triệu Sơn: 1517,66 ha, gồm:
 - + Diện tích thị trấn Triệu Sơn: 179,87 ha;
 - + Diện tích xã Minh Dân: 321,55 ha;
 - + Diện tích xã Minh Sơn: 667,0 ha;
 - + Diện tích xã Minh Châu: 349,24 ha.
- Phần diện tích đưa vào nghiên cứu (không quy hoạch vào đất thị trấn): 198,7 ha, gồm:
 - + Phần diện tích xã Dân Lực khoảng: 179,6 ha;
 - + Phần diện tích xã Dân Quyền khoảng: 19,1 ha.
- Quy mô khảo sát, đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 khoảng: 1.900,0 ha; trong đó:

+ Phần khảo sát cập nhật: 887,0 ha (theo đồ án đã phê duyệt tại Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 30/3/2018);

+ Phần khảo sát đo vẽ mới bổ sung khoảng: 1.013,0 ha.

2. Tính chất đô thị: Là đô thị huyện lỵ loại V; trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, đầu mối giao thông quan trọng của huyện Triệu Sơn.

3. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch

3.1. Quan điểm điều chỉnh quy hoạch

- Tôn trọng và kế thừa hạt nhân hợp lý của các quy hoạch đã được phê duyệt, các dự án đã được cấp phép đầu tư trong khu vực quy hoạch.

- Gắn phát triển với bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội đã được phê duyệt.

- Xâu chuỗi hệ thống đô thị thúc đẩy phát triển kinh tế hành lang Đông Tây (QL 47 nối TP. Thanh Hóa với Lam Sơn – Sao Vàng) tỉnh Thanh Hóa phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội toàn tỉnh.

- Khai thác và phát huy sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai đô thị. Xác định hướng phát triển không gian đô thị phù hợp với giai đoạn hiện tại và tương lai; khai thác tối đa điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, trục giao thông đối ngoại và tiềm năng phát triển để bố trí các khu đô thị, các trung tâm dịch vụ thương mại, theo các tiêu chuẩn đô thị loại V.

- Chính trang cải tạo các khu dân cư đã có, trên cơ sở đầu tư cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật nhằm từng bước phát triển đô thị đạt các tiêu chuẩn đô thị loại IV về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

3.2. Mục tiêu của điều chỉnh quy hoạch.

- Đáp ứng được các tiêu chí phân loại đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đảm bảo theo tinh thần chỉ đạo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Văn bản số 262/UBTVQH14-PL ngày 17/4/2018.

- Xây dựng phát triển thị trấn xứng đáng là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của vùng thúc đẩy khu vực cùng phát triển.

- Dự báo khoa học, đáp ứng yêu cầu thực tế và phù hợp với xu thế phát triển của đô thị, tuân thủ quy chuẩn về quy hoạch đô thị và quy chuẩn khác có liên quan.

- Khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai đô thị nhằm tạo ra nguồn lực phát triển đô thị, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Bảo đảm tính đồng bộ về không gian kiến trúc, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm phát triển hài hoà giữa khu vực đô thị trung tâm và vùng ven, nâng cao điều kiện sống cho dân cư đô thị.

- Đáp ứng nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội đô thị gồm công trình y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, thương mại, cây xanh, công viên, mặt nước và các công trình khác.

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng về hạ tầng kỹ thuật gồm hệ thống giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, thông tin liên lạc và các công trình khác, bảo đảm kết nối, thống nhất giữa các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đô thị và sự liên thông với các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, quốc gia.

4. Các vấn đề cần giải quyết trong đồ án quy hoạch

- Rà soát cập nhật đồ án quy hoạch đã được phê duyệt tại quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh; đánh giá các vấn đề hiện trạng xây dựng, kết quả thực hiện công tác đầu tư xây dựng, xác định các vấn đề còn tồn tại cần giải quyết.

- Phân tích đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hiện trạng tổng hợp và các nguồn lực phát triển thị trấn và vùng phụ cận.

- Đánh giá tác động của mối quan hệ vùng, tác động của các dự án quốc gia, tỉnh, tác động đến sự phát triển đô thị.

- Xác định quy mô phát triển của đô thị phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của huyện về dân số đất đai cho giai đoạn quy hoạch (từ nay đến năm 2030). Nghiên cứu đề xuất định hướng phát triển đô thị trong tương lai phù hợp định hướng phát triển KT-XH của tỉnh, của huyện và các quy hoạch ngành có liên quan.

- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật có liên quan của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn như: mức độ sử dụng đất đai, đề xuất các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất bình quân đầu người, quy hoạch chỉ tiêu bình quân đầu người về sử dụng xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, chỉ tiêu bình quân đầu người về nhà ở và chỉ tiêu về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Đề xuất giải pháp phát triển đô thị trong quá trình đô thị hóa của các xã trong khu vực lập quy hoạch khi sáp nhập và trở thành thị trấn.

- Xác định các dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên.

- Nghiên cứu các vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị, đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các tuyến phố chính, các trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh mặt nước và các điểm nhấn trong đô thị.

5. Các yêu cầu đối với đồ án điều chỉnh quy hoạch

5.1. Yêu cầu nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng; cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị.

- Xác định tiềm năng, động lực hình thành và phát triển đô thị; tính chất, quy mô dân số, lao động và quy mô đất đai xây dựng đô thị; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu cho các giai đoạn phát triển đô thị.

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng; cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị.

- Xác định tiềm năng, động lực hình thành và phát triển đô thị; tính chất, quy mô dân số, lao động và quy mô đất đai xây dựng đô thị; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu cho các giai đoạn phát triển đô thị.

5.2. Yêu cầu điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập tài liệu, số liệu

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng xây dựng, kiến trúc cảnh quan, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và quỹ đất dự kiến phát triển; các số liệu điều tra hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật... phải sử dụng số liệu điều tra mới nhất, có hệ thống bảng biểu kèm theo;

- Hồ sơ khảo sát địa hình phải đảm bảo theo quy định tại Luật đo đạc bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội; Nghị định Số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ; Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng “Quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng.

5.3. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích

a) Định hướng phát triển không gian đô thị bao gồm nội thị và ngoại thị:

- Dự kiến sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch;

- Xác định hệ thống các trung tâm; vị trí, phạm vi, quy mô các khu chức năng trong đô thị; các khu hiện có phát triển ổn định; các khu cần chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp; các khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyển đổi chức năng; các khu quy hoạch xây dựng mới; các khu cấm xây dựng và các khu vực dự kiến phát triển mở rộng đô thị; dự kiến các khu vực xây dựng các công trình ngầm dưới mặt đất trong đô thị;

- Xác định các chỉ tiêu về diện tích, mật độ dân cư, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và tầng cao tối đa, tối thiểu của công trình trong các khu chức năng đô thị.

b) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị bao gồm:

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng đô thị; xác định cốt xây dựng khống chế của từng khu vực, toàn đô thị và các trục giao thông chính đô thị;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông như: xác định chi giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuy nèn kỹ thuật;

- Lựa chọn nguồn; xác định quy mô, vị trí, công suất của các công trình đầu mối; mạng lưới truyền tải và phân phối chính của các hệ thống cấp nước, cấp điện; mạng lưới đường cống thoát nước; các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn; nghĩa trang và các công trình khác.

- Xác định kết nối hệ thống giao thông giữa thị trấn Triệu Sơn với các khu vực lân cận.

c) Phân kỳ đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch, xác định danh mục các dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện.

d) Đánh giá tác động môi trường đô thị và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường trong đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị:

- Xác định các khu vực có khả năng ô nhiễm môi trường, đề xuất các biện pháp xử lý và khoanh vùng.

- Đánh giá khảo sát tình hình thu gom rác thải và xử lý rác thải, để đưa ra phương án điều chỉnh quy hoạch phù hợp với quy hoạch phát triển ngành và tiêu chuẩn, quy chuẩn.

e) Yêu cầu về bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích:

- Tôn trọng các yếu tố cây xanh, mặt nước đã có trong đô thị, hạn chế tối thiểu việc san lấp các ao hồ.

- Đối với các di sản di tích đã được công nhận, cần có phương án khoanh vùng bảo vệ theo các quy định tại Luật di sản.

f) Thiết kế đô thị: Nội dung thiết kế đô thị trong quy hoạch chung xây dựng đô thị được thực hiện theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ xây dựng.

g) Đề xuất các yêu cầu về Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch để các cấp, các ngành cùng tham gia vào công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch.

6. Dự kiến về dân số và quy mô đất đai và chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch khoảng: 20.544 người, bao gồm: Thị trấn Triệu Sơn (6.752 người), xã Minh Sơn (5.264 người), xã Minh Dân (3.502 người), xã Minh Châu (5.026 người);

- Dự báo: Đến năm 2025 dân số khoảng: 24.000 người (dân số phát triển khoảng 3.456 người); đến năm 2030 dân số khoảng: 27.000 người (dân số phát triển khoảng 6.456 người).

(Dự báo quy mô dân số phải được luận chứng khoa học, cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch).

6.2. Dự báo quy mô đất đai:

* Diện tích dự báo không gian phát triển đô thị: 1.517,66 ha.

* Quy mô đất đai dự kiến:

- Đất xây dựng đô thị: 383,0 ha; trong đó:

+ Đất dân dụng: 243,0 ha;

Bảng dự báo quy mô đất dân dụng đô thị đến năm 2025 và năm 2030.

STT	Loại đất	Chỉ tiêu	Năm 2025		Năm 2030	
		(m ² /người)	Dự báo quy mô dân số	Dự báo Quy mô đất đai	Dự báo quy mô dân số	Dự báo Quy mô đất đai
			(người)	(ha)	(người)	(ha)
1	Đất khu ở (đất ở mới và làng xóm hiện trạng)	50	24.000	120	27.000	135
2	Giao thông đô thị	20		48		54
3	Đất công cộng dịch vụ (dịch vụ, trường học,...)	10		24		27
4	Đất cây xanh (đô thị, đơn vị ở)	10		24		27
Tổng		90		216		243

+ Đất ngoài dân dụng (đất công nghiệp, kho tàng, trung tâm nghiên cứu, đào tạo...): 140,0 ha;

- Đất khác (dự trữ phát triển, nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước,...): 1.234,66 ha.

6.3. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:

+ Tính đến đường liên khu vực: 6 - 8%;

+ Tính đến đường khu vực: 13 - 15%;

+ Tính đến đường phân khu vực: 18 - 22%.

- Chỉ tiêu điện năng: 1.000KWh/người/năm; phụ tải 330 W/người;

- Cấp nước sinh hoạt: 120 lít/ người/ngày đêm; tỷ lệ cấp nước sạch tối thiểu 95%;

- Thoát nước bản tối thiểu: 90% nước cấp;

- Chất thải rắn tối thiểu: 0,9kg/ng/ngđ;
- Thu gom xử lý tối thiểu : 90% chất thải.

7. Danh mục hồ sơ đồ án:

a) Sản phẩm khảo sát địa hình:

Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5000 để phục vụ lập đồ án quy hoạch phải được thẩm định theo quy định tại Thông tư 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng về việc Quy định kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng.

b) Sản phẩm quy hoạch: Theo quy định tại Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, gồm:

- Phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Xác định vị trí, ranh giới lập quy hoạch; thể hiện các mối quan hệ giữa đô thị và vùng, khu vực có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, địa vật, các vùng có ảnh hưởng lớn đến kiến trúc cảnh quan đô thị; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000.

+ Bản đồ hiện trạng: Sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở, ...); hiện trạng giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bản; thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở từ thuyết minh có tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các chức năng đô thị; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (tối thiểu 02 phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án). Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

+ Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

+ Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Phần văn bản:

+ Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt của đồ án quy hoạch (phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan).

+ Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan;

+ Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010);

+ Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị (theo quy định tại Điều 35 Luật quy hoạch đô thị 2009, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016;

c) Các yêu cầu hồ sơ:

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định in màu theo tỷ lệ thích hợp; số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định tùy theo yêu cầu của hội nghị;

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 10 bộ in màu đúng tỷ lệ với đầy đủ thành phần kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in vừa khổ giấy A0 (chủ đầu tư 01 bộ, các cơ quan thẩm định, quản lý 03 bộ), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án bao gồm bản vẽ, thuyết minh và các văn bản liên quan.

8. Dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện:

Giao UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt dự toán kinh phí và tự bố trí nguồn vốn lập Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

9. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan Chủ đầu tư và trình hồ sơ: UBND huyện Triệu Sơn.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.
- Thời gian hoàn thành: Không quá 09 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

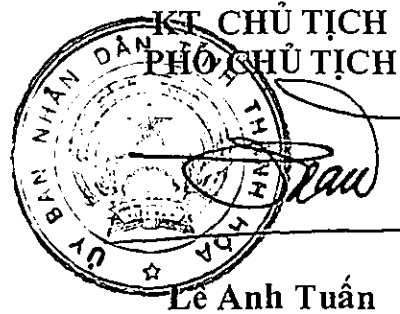
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2019)QDPD_NV QHC TT Triệu Sơn.doc

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn